

Số 1711 -QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện**  
**dự toán chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Báo cáo về việc công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2026 của các đơn vị dự toán;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 2

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính,
- Trung tâm CN & CDS (để đăng tải),
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Đoàn Minh Huân**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH**  
**3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1711** -QĐ/HVCTQG ngày **17** tháng 4 năm 2026  
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
1	2	3			4	5	6
	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.833.907</b>	<b>68.302</b>	<b>1.765.605</b>	<b>227.729,39</b>		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	<i>38.567</i>	<i>-</i>	<i>38.567</i>	<i>-</i>		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	<i>1.795.340</i>	<i>68.302</i>	<i>1.727.038</i>	<i>227.729,39</i>	<i>12,68</i>	<i>146,46</i>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>1.833.907</b>	<b>68.302</b>	<b>1.765.605</b>	<b>227.729,39</b>		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	<i>38.567</i>	<i>-</i>	<i>38.567</i>	<i>-</i>		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	<i>1.795.340</i>	<i>68.302</i>	<i>1.727.038</i>	<i>227.729,39</i>		
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>63.219</b>	<b>89</b>	<b>63.130</b>	<b>5.145,00</b>		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	<i>1.533</i>	<i>-</i>	<i>1.533</i>	<i>-</i>		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	<i>61.686</i>	<i>89</i>	<i>61.597</i>	<i>5.145,00</i>	<i>8,34</i>	<i>136</i>
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	35.253	89	35.164	5.096,00		
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	26.433	-	26.433	49,00		
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	<b>244.199</b>	<b>34.524</b>	<b>209.675</b>	<b>21.199,00</b>	<b>8,68</b>	<b>158,78</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	244.199	34.524	209.675	21.199,00		



Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	244.199	34.524	209.675	21.199,00		
	<i>Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)</i>	176.675	-	176.675	14.715,00		
	<i>Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)</i>	35.178	22.178	13.000	3.004,00		
	<i>Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (100-103)</i>	12.346	12.346	-	3.480,00		
	<i>Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (loại 100-106)</i>	10.000	-	10.000	-		
	<i>Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)</i>	10.000	-	10.000	-		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	-	-	-	-		
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	-	-	-	-		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>	<b>1.291.359</b>	<b>30.859</b>	<b>1.260.500</b>	<b>198.045,94</b>		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	<i>36.534</i>	<i>-</i>	<i>36.534</i>	<i>-</i>		
	<b>Dự toán được sử dụng</b>	<b>1.254.825</b>	<b>30.859</b>	<b>1.223.966</b>	<b>198.045,94</b>	<b>15,78</b>	<b>140,09</b>
	- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-		
<b>3.1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-081)</b>	<b>332.008</b>	<b>27</b>	<b>331.981</b>	<b>55.598,00</b>		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	11.125	-	11.125	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	320.883	27	320.856	55.598,00		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	27	27	-	10,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	324.576	-	324.576	55.588,00		
<b>3.2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-082)</b>	-	-	-	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-	-	-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-		
<b>3.3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-083)</b>	946.662	30.832	915.830	203.287,94		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	25.891	-	25.891	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	920.771	30.832	889.939	203.287,94		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	99	99	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	925.685	27.019	898.666	203.287,94		
<b>3.4</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-085)</b>	16.990	-	16.990	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-	-	-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	16.990	-	16.990	-		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	16.490	-	16.490	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-		
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	-		
6	Chi hoạt động kinh tế	7.000	-	7.000	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	500	-	500	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	6.500	-	6.500	-		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.095	-	6.095	-		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.700	-	2.700	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-	-	-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	2.700	-	2.700	-		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.700	-	2.700	-		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	600	-	600	-		
	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	-	-	-	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	600	-	600	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	600	-	600	-		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-		



12

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
11	Chi viện trợ	224.830	2.830	222.000	3.339,45	1,49	431,29
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-		-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						

